

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2007/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**về việc ban hành Quy chế huy động, cho vay và trả nợ vốn
đối với Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01/11/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Dự án đầu tư Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2951/VPCP-KTTH ngày 01 tháng 6 năm 2006 về việc thu xếp khoản vốn 1.000 triệu Đô la Mỹ cho dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế huy động, cho vay và trả nợ vốn đối với Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng; Vụ trưởng Vụ Tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính; Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước; Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại; Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập

đoàn Dầu khí Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

QUY CHẾ**huy động, cho vay và trả nợ vốn đối với Dự án
Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất**

*(ban hành theo Quyết định số 20/2007/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định việc huy động 1.000 triệu Đô la Mỹ (USD) để đầu tư Dự án nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; quy định việc quản lý và giám sát việc giải ngân, thanh toán và hoàn trả nguồn vốn này.

Điều 2. Bộ Tài chính có trách nhiệm huy động vốn từ việc phát hành trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ tại thị trường vốn trong nước, thị trường vốn quốc tế và vay các tổ chức tín dụng nước ngoài; trả nợ gốc, lãi trái phiếu, khoản vay tổ chức tín dụng nước ngoài và các chi phí khác liên quan (nếu có).

Điều 3. Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm nhận vốn ủy thác, cho vay vốn, giải ngân theo đúng quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; giám sát việc sử dụng vốn vay của Tập đoàn Dầu khí; thu hồi nợ vay, lãi vay và hoàn trả Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 4. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Bộ Tài chính cấp phí quản lý theo quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và hoàn trả nợ vay, lãi vay đầy đủ và đúng hạn quy định.

**II. HUY ĐỘNG, QUẢN LÝ,
ỦY THÁC VÀ TRẢ NỢ CÁC
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG****Điều 6.** Huy động vốn**1.** Hình thức huy động vốn

a) Hình thức huy động vốn bao gồm phát hành trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ tại thị trường vốn trong nước, thị trường vốn quốc tế và vay các tổ chức tín dụng nước ngoài;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc lựa chọn hình thức huy động; khối lượng, thời điểm và các điều kiện huy động vốn theo từng hình thức huy động.

2. Nguyên tắc huy động

a) Việc huy động vốn tùy thuộc tiến độ thực hiện của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

b) Kỳ hạn vay tùy thuộc vào thời hạn cho Tập đoàn Dầu khí vay (16 năm) và tình hình thực tế thị trường. Trường hợp đến thời hạn trả nợ vay nhưng chưa đến thời hạn Tập đoàn Dầu khí trả nợ, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc vay mới để trả nợ cũ;

c) Lãi suất vay theo lãi suất thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu hoặc thỏa thuận tín dụng vay vốn.

3. Cơ sở pháp lý cho việc huy động vốn

a) Phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường vốn trong nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ và các quy định liên quan;

b) Phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường vốn quốc tế và vay vốn của các tổ chức tín dụng nước ngoài thực hiện quy định tại Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01/11/2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài và quy định của Chính phủ về phát hành trái phiếu quốc tế.

4. Đồng tiền huy động là đồng Đô la Mỹ (USD).

5. Phương thức huy động

a) Phát hành trái phiếu ngoại tệ trên thị trường vốn quốc tế theo phương thức đấu thầu hoặc bảo lãnh phát hành;

b) Phát hành trái phiếu ngoại tệ trên thị trường vốn trong nước theo phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc đàm phán trực tiếp;

c) Vay các tổ chức tín dụng nước ngoài thông qua đàm phán trực tiếp giữa Bộ Tài chính và tổ chức cho vay.

6. Các chi phí liên quan đến huy động vốn (nếu có) do Bộ Tài chính thanh toán.

Điều 7. Quản lý vốn huy động

1. Bộ Tài chính mở Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất” tại một ngân hàng thương mại của Việt Nam để quản lý vốn huy động cho Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

2. Thu của Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất” bao gồm:

a) Tiền huy động từ phát hành trái phiếu ngoại tệ trên thị trường vốn trong nước, quốc tế và vay tổ chức tín dụng nước ngoài;

b) Các khoản thu hồi gốc, lãi từ việc cho vay Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

c) Lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ việc sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi của Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất”;

d) Các khoản Ngân sách trung ương cấp bù chênh lệch giữa lãi suất huy động

thực tế và lãi suất cho vay dự án và các khoản thu khác nhằm bảo đảm thanh toán gốc, lãi trái phiếu và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn.

3. Nguyên tắc sử dụng Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất”

a) Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất” được dùng để cho vay đối với Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất; trả nợ gốc, lãi trái phiếu; trả nợ khoản vay tổ chức tín dụng nước ngoài và các chi phí liên quan khác (nếu có);

b) Mọi khoản thanh toán từ Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất” phải tuân thủ theo quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan;

c) Tiền tạm thời nhàn rỗi của Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất” được cho Ngân sách Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam vay và sử dụng vào các mục đích khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 8. Chuyển vốn cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Căn cứ chuyển vốn.

a) Hợp đồng ủy thác giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

b) Kế hoạch vốn tháng, quý, năm và kế hoạch vốn tổng thể của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất do Ngân hàng Phát triển Việt Nam lập;

c) Báo cáo tháng, quý, năm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về tình hình giải ngân, tình hình sử dụng vốn của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

d) Đề nghị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về nhu cầu vốn để phục vụ giải ngân.

2. Phương thức chuyển

a) Trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về nhu cầu vốn phục vụ giải ngân, Bộ Tài chính kiểm tra và thực hiện chuyển tiền cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

b) Tiền chuyển cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam được lấy từ Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất”.

Điều 9. Thanh toán lãi và trả nợ vay

1. Bộ Tài chính trực tiếp hoặc ủy quyền cho một tổ chức tài chính, tín dụng để thực hiện việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu, nợ vay và các chi phí liên quan khác (nếu có).

2. Tiền thanh toán gốc, lãi trái phiếu, nợ vay và các chi phí liên quan khác (nếu có) được lấy từ Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất”.

3. Đồng tiền thanh toán lãi và trả nợ vay là đồng USD. Trường hợp thanh toán trái phiếu bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) thì việc quy đổi từ USD sang VNĐ theo tỷ giá bán ra do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm gần nhất.

Điều 10. Đảm bảo khả năng thanh toán

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm đảm bảo đủ nguồn để chuyển cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo đúng tiến độ triển khai của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất; thanh toán cho các chủ nợ trong và ngoài nước khi đến hạn. Trường hợp đến hạn thanh toán các khoản nợ vay nhưng nguồn trả từ Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất không đủ để thanh toán thì Ngân sách Trung ương có trách nhiệm bố trí phần còn thiếu.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định các biện pháp quản lý rủi ro nhằm bảo đảm khả năng thanh toán các khoản vay khi đến hạn.

III. TIẾP NHẬN VỐN ỦY THÁC, GIẢI NGÂN VÀ THU NỢ ĐỐI VỚI DỰ ÁN

Điều 11. Tiếp nhận vốn ủy thác

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận vốn ủy thác của Bộ Tài chính; giải ngân, theo dõi, giám sát, thu nợ vốn vay và theo dõi riêng đối với Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện ký hợp đồng tín dụng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc cho vay vốn đối với Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất theo các quy định của Quy chế này và các quy định liên quan.

Điều 12. Giải ngân dự án

1. Căn cứ giải ngân

a) Hợp đồng tín dụng vay vốn để thực hiện Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

b) Kế hoạch vốn tháng, quý, năm và kế hoạch vốn tổng thể của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xây dựng;

c) Báo cáo tháng, quý, năm về tiến độ Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất và tình hình sử dụng vốn vay của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Nguyên tắc, trách nhiệm của Tập đoàn Dầu khí trong việc lập kế hoạch vốn cho Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất:

a) Sử dụng tối đa vốn cấp từ Ngân sách Nhà nước và vốn tự có của Tập đoàn Dầu khí bố trí cho Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

b) Kế hoạch giải ngân chi tiết theo từng quý, tháng trên cơ sở hợp đồng cung cấp thiết bị đã ký kết giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đối tác.

3. Giải ngân vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải đảm bảo:

a) Tuân thủ các quy định, cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký;

b) Phù hợp với tiến độ thực hiện Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

c) Cân đối trong tổng thể tỷ trọng các nguồn vốn huy động của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

Điều 13. Quy định và điều kiện cho vay đối với Dự án

1. Thời hạn cho vay là 16 năm kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 4 năm.

2. Đồng tiền cho vay và trả nợ gốc, lãi là đồng Đô la Mỹ.

3. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay là 3,6%/năm và được giữ nguyên trong suốt thời hạn cho vay của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ loại 10 năm bằng ngoại tệ (tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn) cộng 1,2% .

4. Trả nợ gốc và lãi vay

a) Việc trả nợ gốc và lãi vay thực hiện theo quý và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng tín dụng;

b) Trong thời gian ân hạn, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi bằng các nguồn vốn hợp pháp của mình;

c) Hết thời gian ân hạn, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

d) Đến hạn trả nợ, nếu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không trả nợ và không được gia hạn nợ thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam chuyển số nợ gốc đến hạn trả nhưng chưa trả sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Quy chế này.

5. Đảm bảo thanh toán và bồi thường

a) Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được sử dụng tín chấp khi vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

b) Quyền ưu tiên cao nhất về các nghĩa vụ nợ phải thanh toán được dành cho khoản vay từ nguồn huy động của Chính phủ để đầu tư Dự án Nhà máy lọc

dầu số 1 Dung Quất. Tại một thời điểm, nếu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có nhiều nghĩa vụ nợ đến hạn thì nghĩa vụ nợ từ nguồn huy động của Chính phủ để đầu tư Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất được quyền thanh toán trước tiên;

c) Trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, Bộ Tài chính có quyền yêu cầu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả việc yêu cầu tất cả các ngân hàng phục vụ phong tỏa các tài khoản của Tập đoàn Dầu khí để trả nợ.

Điều 14. Thu hồi nợ vay

1. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm cân đối các nguồn vốn để trả nợ vay theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp không có khả năng trả nợ đúng hạn, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam trước 1 tháng so với thời điểm đến hạn trả nợ về tình hình tài chính, khả năng và không trả được nợ đúng hạn.

3. Chậm nhất là 3 ngày làm việc sau khi thu hồi nợ gốc, lãi vay (kể cả lãi quá hạn), Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm chuyển toàn bộ tiền thu hồi

nợ gốc, lãi vay của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 về Tài khoản “vốn cho Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất”.

Điều 15. Phí quản lý

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được hưởng phí quản lý bằng 0,05%/năm tính trên số dư nợ vốn vay bình quân trong năm của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

2. Phí quản lý của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất được Bộ Tài chính cấp theo đề nghị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

IV. TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ THEO DÕI DỰ ÁN

Điều 16. Trách nhiệm của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

1. Ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo đúng các quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan; thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trong vòng 3 ngày đầu tháng, quý, năm, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm:

a) Xây dựng và báo cáo Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam kế hoạch

giải ngân vốn vay từng tháng, quý, năm, tổng thể cả giai đoạn và thời điểm thanh toán theo hợp đồng cung cấp thiết bị đã ký kết giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đối tác;

b) Báo cáo Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam về tiến độ và tình hình sử dụng vốn vay tháng, quý, năm trước của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

3. Hoàn trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định của Quy chế này.

4. Trường hợp dự án có điều chỉnh, thay đổi và vướng mắc, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm báo cáo ngay Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 17. Trách nhiệm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Ký hợp đồng tín dụng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo đúng các quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan; chuyển Bộ Tài chính một bộ hợp đồng để quản lý, giám sát.

2. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn và cho vay Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo đúng quy định của Quy chế này.

3. Giải ngân đúng mục đích, đúng tiến độ sử dụng vốn vay của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

4. Giám sát việc sử dụng vốn vay của Tập đoàn Dầu khí; đôn đốc việc trả nợ và thực hiện thu hồi nợ (gốc, lãi) từ Tập đoàn Dầu khí đầy đủ, đúng hạn.

5. Trong vòng 5 ngày đầu tháng, quý, năm, Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm:

a) Báo cáo Bộ Tài chính kế hoạch vốn tháng, quý, năm và tổng thể cả giai đoạn để thực hiện cho vay, giải ngân Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất;

b) Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình giải ngân, tình hình sử dụng vốn tháng, quý, năm trước của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất của Tập đoàn Dầu khí và các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Xây dựng và báo cáo Bộ Tài chính kế hoạch cấp bù phí quản lý của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất để Bộ Tài chính xem xét, bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước.

7. Chuyển tiền thu hồi nợ gốc, lãi vay của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất về Bộ Tài chính theo quy định tại Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Thực hiện việc chuyển tiền cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam để cho vay đối với Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất theo đề nghị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Bố trí ngân sách để thực hiện việc trả nợ (gốc, lãi) trái phiếu, khoản vay tổ chức tín dụng nước ngoài và các chi phí liên quan khác (nếu có).

3. Cân đối ngân sách nhà nước để cấp phí quản lý cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong việc nhận ủy thác giải ngân, thu nợ Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

4. Giám sát việc tiếp nhận, cho vay lại và giải ngân của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đối với Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất; việc sử dụng vốn vay, trả nợ và thực hiện thu hồi nợ (gốc, lãi) của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Báo cáo, quyết toán của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

1. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo,

quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước và Quy định tại Quy chế này.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam về nhu cầu vốn, tình hình giải ngân và các vấn đề liên quan theo quy định của Nhà nước và Quy định tại Quy chế này.

Điều 20. Hạch toán, báo cáo và quyết toán của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam mở tài khoản hạch toán và theo dõi riêng khoản cho vay, thu nợ, trả nợ của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo tình hình cho vay, thu nợ trả nợ của Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất với Bộ Tài chính.

Điều 21. Kiểm tra của Bộ Tài chính

1. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Bộ Tài chính kiểm tra tình hình cho vay, thu nợ trả nợ vốn huy động Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Theo yêu cầu quản lý, Bộ Tài chính kiểm tra việc sử dụng vốn vay của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

này cho phù hợp với tình hình thực tế do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

1. Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

2. Mọi sự thay đổi, bổ sung Quy chế

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà